TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HÀ NỘI
TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06/2017/DSST**
Ngày: 21/8/2017
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Đồng Trưng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga

2. Ông Nguyễn Ngọc Hấn

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Nguyên**- Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàn Kiếm *tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 14/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2017 về Tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**
1, Cụ Trần Thị X sinh năm: 1927
2, Ông Nguyễn Thanh T sinh năm: 1969
Cùng địa chỉ: Số 100 phố B, quận H, Hà Nội.
Cụ X uỷ quyền cho ông Nguyễn Thanh T theo văn bản uỷ quyền ngày 03/3/2017 lập tại Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội.(có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Thanh T:
Luật sư Vũ Hồng Thanh – Văn phòng Luật sư Hà Phát – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội
*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T - sinh năm: 1961.
HKTT: 33 phố H, phường H, quận H, Hà Nội
Hiện trú tại: Số 50 phố H, quận H, Hà Nội.(có mặt)
*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1, Bà Nguyễn Thị D - sinh năm: 1953
Địa chỉ: Số 44 phố G, phường H, quận H, Hà Nội.
(Vắng mặt)
2, Bà Nguyễn Thị Thanh P - sinh năm: 1955
Địa chỉ: Số 27 ngõ 59 phố L, quận H, Hà Nội.(có mặt)
3, Bà Nguyễn Thị M - sinh năm: 1957
Địa chỉ: Số 122 ngõ 75 đường G, quận H, Hà Nội.(có mặt)
4, Bà Nguyễn Thị Minh C - sinh năm: 1959
Địa chỉ: Số 3 - C phụ, TT Dệt kim Đ, quận H, Hà Nội.
(Vắng mặt)
5, Bà Nguyễn Thị S - sinh năm: 1963
Địa chỉ: Số 50 phố T, quận H, Hà Nội. (Vắng mặt)
6, Bà Nguyễn Diệu H - sinh năm: 1966
Địa chỉ: Số 50 ngõ P, phường H, quận H, Hà Nội.
(Vắng mặt)
7, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam
Trụ sở: Số 108 phố T, quận H, Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Bích Phượng P (Văn bản ủy quyền số 528/UQ - HĐQT-NHCT18 ngày 10/6/2015). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T là nguyên đơn và là người đại diện cho cụ Trần Thị X (đồng nguyên đơn) tại Tòa án như sau:

Cụ Nguyễn Duy T là chồng cụ Trần Thị X và là bố đẻ ông Nguyễn Thanh T. Cụ T và cụ X sinh được 8 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T Phương, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C , bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H và ông Nguyễn Thanh T. Ngoài 8 người con chung trên, cụ T, cụ X không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Năm 2005, cụ T, cụ X có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H mang tên cụ Nguyễn Duy T.

Ngày 09/10/2008, cụ T chết không để lại di chúc phần tài sản này.

Sau khi cụ T mất, gia đình có thoả thuận về việc phân chia di sản thừa kế nhưng bà T không hợp tác nên việc phân chia di sản không thực hiện được.

Trước khi mất, cụ T không để lại nghĩa vụ gì về tài sản.

Ông T khẳng định phần di sản của cụ T trong số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ và số tiền lãi của số tiền này theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971

cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H không nằm trong phần di sản của cụ T để lại theo di chúc.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Chia tài sản chung của cụ T và cụ X là số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ và số tiền lãi của số tiền này theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H cho cụ T và cụ X.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản cụ T để lại trong số tiền gửi tiết kiệm và số tiền lãi phát sinh nêu trên cho cụ X và 8 người con có tên trên.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

*** Tại Tòa án bà T trình bày:** Bà T không đồng ý tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn vì lý do không đủ chứng cứ, chứng lý để khởi kiện bà với tư cách là bị đơn. Bà không chấp nhận giải quyết tranh chấp này tại Toà án, đề nghị anh chị em trong nhà tự giải quyết với nhau.

Bố mẹ bà có 8 người con là bà D, bà P, bà M, bà C, bà T, bà S, bà H và ông T. Bà không biết bố mẹ bà còn có con riêng, con nuôi nào khác hay không.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì ngoài tài sản bố bà để lại là quyển sổ tiết kiệm 150.000.000đ còn nhiều tài sản khác gồm nhà đất tại số 100 phố B, quận H, Hà Nội, đồ cổ hiện đang còn ở 100 phố B và các sổ tiết kiệm, 41 cây vàng. Bà yêu cầu anh T kê khai hết tài sản bố bà để lại và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Về việc cụ T có để lại nghĩa vụ về tài sản sau khi mất hay không, bà T cho rằng từ khi cụ T mất đến nay chưa thấy ai đến đòi nợ cụ T.

*** Bà M, bà P trình bày:** Cụ T mất để lại nhiều di sản không phải chỉ có một quyển sổ tiết kiệm trị giá 150.000.000đ mà còn nhiều di sản khác như bà T trình bày ở trên. Các bà yêu cầu ông T kê khai hết tài sản cụ T để lại và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Cụ T, cụ X có 8 người con là bà D, bà P, bà M, bà C, bà T, bà S, bà H và ông T và các bà Không biết bố mẹ còn có con riêng, con nuôi nào khác hay không.

*** Bà H , bà C, bà D trình bày:** Các bà đồng ý với yêu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Toà án phân chia phần di sản của cụ T để lại trong số tiền 150.000.000đ gửi tiết kiệm và lãi theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng trình bày:** Hiện nay, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H có quản lý khách hàng gửi tiền là Nguyễn Duy T, số tiền gửi 150.000.000đ ngày gửi tiền đầu tiên là 07/07/2005, kỳ hạn gửi 6 tháng. Lãi cộng dồn tạm tính đến ngày 07/01/2017 là 243.906.014 đồng. Gốc và lãi tính đến ngày 07/01/2017 là 393.906.014 đồng.

Đề nghị Toà án giải quyết tranh chấp giữa gia đình ông T theo quy định của pháp luật, Ngân hàng sẽ thực hiện theo phán quyết của Toà án và xin không tham dự các buổi làm việc và phiên toà xét xử của Toà án.

Ngày 03/4/2017, ông Nguyễn Thanh T có nộp cho Tòa án bản phô tô Di chúc của cụ X và cụ T lập ngày 25/7/2008

Tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/5/2017, Toà án có giải thích cho các đương sự biết nếu có yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ T để lại bao gồm nhà đất số 100 phố B, quận H, Hà Nội, đồ cổ hiện đang còn ở 100 phố B và các sổ tiết kiệm, 41 cây vàng thì phải làm đơn yêu cầu gửi Toà án. Bà T đã có ý kiến: Bà không yêu cầu chia trong vụ kiện này, nếu có khởi kiện thì bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Bà M, bà P cùng có ý kiến: Bà M, bà P chỉ yêu cầu anh T kê khai và chia theo pháp luật di sản của cụ T để lại. Các bà không khởi kiện chia thừa kế trong vụ án này.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 02/3/2017, bà Nguyễn Thị S trình bày: Về số tiền tiết kiệm 150.000.000đ đứng tên cụ Nguyễn Duy T mà cụ X và anh T yêu cầu chia thừa kế bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/3/2017, bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Diệu H, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị M đã có đơn xin được vắng mặt tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án.

Ngày 17/8/2017, tại công văn số 826/CV-CNHK-TH, do bà Lê Bích P - Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ký. Trong đó xác định số tiền gửi 150.000.000đ theo Giấy chứng nhận tiền gửi TA0063971, ngày gửi đầu tiên 07/7/2005. Lãi cộng dồn tính đến ngày 07/7/2017 là 254.402.515đ và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày: - Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án:

+ Xác định số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ và số tiền lãi của số tiền này theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H là tài sản chung của cụ T và cụ X và yêu cầu Chia tài sản chung của cụ T và cụ X là phần tài sản này cho cụ T và cụ X.

+ Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản cụ T để lại trong số tiền gửi tiết kiệm và số tiền lãi phát sinh nêu trên cho các thừa kế của cụ T.

- Ông T trình bày: Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01715 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H ghi tên người nộp số tiền 3.750.000đ là cụ X và ông T. Tuy nhiên Số tiền nộp tạm ứng án phí là của ông T và ông T là người trực tiếp nộp tiền. Tại phiên Tòa ông T xuất trình cho Tòa án Đơn xin miễn nộp án phí của cụ X.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

* Bà T trình bày: Bà không đồng ý tham gia trong vụ án với tư cách là bị đơn vì ông T không đủ chứng cứ, chứng lý để khởi kiện bà.

Về yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là số tiền tiết kiệm 150.000.000đ và số tiền lãi của số tiền này theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H và yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ T trong số tiền gửi tiết kiệm của nguyên đơn, bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bà P trình bày: Bà P không đồng ý chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ và số tiền lãi của số tiền này theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H cho cụ X. Bà P đề nghị Tòa án chia thừa kế toàn bộ số tiền tiết kiệm này cho các thừa kế.

* Bà M có ý kiến: Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo pháp luật.

* Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng:

1. Ngày 02/11/2016, cụ Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh T, có địa chỉ tại 100 phố B, phường N, quận H, Hà Nội có đơn khởi kiên yêu cầu chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ và số tiền lãi theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H mang tên cụ Nguyễn Duy T, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ T trong số tiền gửi tiết kiệm và số tiền lãi trên đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T có địa chỉ tại 50 phố H, quận H, Hà Nội. Căn cứ vào khoản 5, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật.

2. Sau khi Tòa án nhân dân quận H thụ lý vụ án, bà Nguyễn Thị Kim T có ý kiến: Bà T không đồng ý tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn vì lý do không đủ chứng cứ, chứng lý để khởi kiện bà với tư cách là bị đơn.

Xét thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2016, nguyên đơn là cụ Trần Thị X và ông Nguyên Thanh T khởi kiện đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự " Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện" do vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án của bà Nguyễn Thị Kim T là "Bị đơn" là có căn cứ.

3. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Diệu H, bà Nguyễn Thị Minh C và đại diện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam vắng mặt. Tuy nhiên trước đó, ngày 18/8/2017 bà D, bà C, bà S, bà H, đã có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Tại Công văn số 826/CV-CNHK-TH ngày 17/8/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh H do bà Lê Bích P- Phó giám đốc và là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ký xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D, bà H, bà S, bà C và đại diện Ngân hàng.

II. Về nội dung:

1. Về xác định quan hệ hôn nhân giữa cụ Nguyễn Duy T và cụ Trần Thị X: Theo lời trình bày của các đương sự đều xác nhận: Cụ Nguyễn Duy T là chồng của cụ Trần Thị X và là bố, mẹ đẻ của Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thanh P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C , bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H và ông Nguyễn Thanh T. Mặt khác, tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của cụ Trần Thị X do Ủy ban nhân dân phường N, quận H, Hà Nội cấp ngày 08/6/2015 đã xác nhận cụ Trần Thị X có chồng là cụ Nguyễn Duy T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cụ Trần thị X có quan hệ hôn nhân với cụ Nguyễn Duy T

2. Về số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh mang tên cụ Nguyễn Duy T tính đến ngày 07/7/2017 có số dư là **404.402.515đ**(theo công văn số 826/CV-CNHK-TH ngày 17/8/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh H cung cấp).

Tại thời điểm gửi tiền tiết kiệm cụ T và cụ X có quan hệ là vợ chồng, mặt khác không có tài liệu nào chứng minh số tiền gửi tiết kiệm này là tài sản riêng của cụ T. Do vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 xác định số tiền **404.402.515đ**(gồm cả tiền gốc và lãi) của số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ(một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H đứng tên cụ Nguyễn Duy T là tài sản chung của cụ T và cụ X.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 và số tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H:

Căn cứ quy định tại Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu của cụ Trần Thị X chia phần tài sản thuộc sở hữu chung vợ chồng là là số tiền gửi tiết kiệm

150.000.000đ theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 và số tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H là có căn cứ và được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 mỗi người được chia ½ số tiền gốc là 150.000.000đ và ½ số tiền lãi là 254.402.515đ tính đến ngày 07 tháng 7 năm 2017(theo công văn số 826/CV-CNHK-TH ngày 17/8/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh H cung cấp). Cụ thể như sau:

Số tiền gốc cụ X được chia là 150.000.000đ : 2 = 75.000.000đ.

Số tiền lãi cụ X được chia là: 254.402.515đ : 2 =127.201.257 đ

Tổng cộng số tiền cụ X được chia là: 75.000.000đ + 127.201.257đ = **202.201.257 đ**

Số tiền còn lại là **202.201.257 đ** Là phần di sản của cụ Nguyễn Duy T.

4. Về yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ T trong số tiền gửi tiết kiệm và số tiền lãi tương ứng trên:

+ Về thời điểm mở thừa kế: Theo Giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân phường N, quận H, Hà Nội lập ngày 10/10/2008, chứng nhận cụ Nguyễn Duy T *"Đã chết vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 09/10/2008"*. Theo quy định tại Điều 633 Bộ luật dân sự 2005(Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015) thì *"Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết"*. Như vậy, thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ T để lại là ngày 09/10/2008

+ Về thời hiệu thừa kế: Căn cứ vào quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu chia thừa kế đối với động sản là 10 năm. Đơn khởi kiện của cụ Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh T yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế của cụ T được nộp tại Tòa án ngày 03/11/2016. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ T là số tiền gửi tiết kiệm vẫn còn.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T xuất trình cho Tòa án bản di chúc do cụ Trần Thị X và cụ Nguyễn Duy T lập ngày 25/7/2008, trong đó có thể hiện ý nguyện về phần tài sản là động sản như sau: *"Ngoài ra chúng tôi còn di chúc cho anh T toàn bộ tài sản (động sản) thuộc quyền sở hữu của chúng tôi đang được lưu giữ tại số nhà 100 phố B, Hà Nội"*

Theo Điều 663 Bộ luật dân sự năm 2005, vợ chồng có quyền lập di chúc chung để định đoạt tài sản chung. Theo điều 163 Bộ luật dân sự năm 2005 thì tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản. Như vậy, tiền gửi tiết kiệm cũng là tài sản có thể được định đoạt trong di chúc. Tuy nhiên, theo nội dung di chúc của cụ T, cụ X thì tài sản (động sản) được định đoạt trong di chúc phải là tài sản (động sản) đang được lưu giữ tại nhà. Tại thời điểm cụ T, cụ X lập di chúc và thời điểm cụ T chết thì tài sản chung của hai cụ là số tiền 150.000.000đ đang được lưu giữ tại Ngân hàng theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H. Mặt khác, cụ X cũng đã khẳng định số

tiền 150.000.000đ gửi tiết kiệm đứng tên cụ T tại ngân hàng không nằm trong di chúc chung của cụ T và cụ X lập ngày 25/7/2008. Do vậy, yêu cầu của cụ X, ông T đề nghị chia thừa kế phần di sản của cụ T trong số tiền 150.000.000đ gửi tiết kiệm theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H và số tiền lãi tương ứng cho các thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, được chấp nhận.

+ Về nghĩa vụ về tài sản của cụ T: Theo trình bày của cụ X, ông T thì cụ T chết không để lại nghĩa vụ về tài sản, các đương sự khác không trình bày hay có tài liệu chứng minh được nghĩa vụ về tài sản của cụ T để lại trước khi chết. Mặt khác tại khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Do đó, không có cơ sở xác định nghĩa vụ về tài sản của cụ T để lại trước khi chết.

+ Những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Duy T:

Theo lời trình bày của các đương sự: Những người được hưởng thừa kế của cụ T gồm có: Vợ là cụ Trần thị X, các con gồm Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thanh P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C , bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H và ông Nguyễn Thanh T. Các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định cụ T có con nuôi hay con riêng nào khác. Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ T gồm: 09 người, cụ thể: Cụ Trần Thị X, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thanh P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H và ông Nguyễn Thanh T.

+ Căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự "Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau" do vậy, phần di sản của cụ Tặng trong số tiền gửi tiết kiệm và số tiền lãi tương ứng được chia đều cho các thừa kế, cụ thể:

- Phần di sản của cụ T trong số tiền gửi tiết kiệm và tiền lãi là: **202.201.257đ** tính đến ngày 07/7/2017

- Cụ Trần Thị X, Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thanh P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H và ông Nguyễn Thanh T, mỗi người được chia số tiền là: **202.201.257đ** : 9 = **22.466.806đ** tính đến ngày 07/7/2017.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị mà mình được hưởng.

Cụ Trần Thị X, sinh năm 1927, theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 thì cụ Trần Thị X là người cao tuổi đồng thời có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tại đơn trình bày của ông T: Trong biên lai thu tiền tạm ứng án phí có ghi tên người nộp tiền là cụ Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh T. Tuy nhiên, số tiền

3.750.000đ là do ông T nộp và số tiền này là của ông T nên xác định số tiền nộp tạm ứng án phí là của ông Nguyễn Thanh T.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Các Điều: 163, 663 Bộ luật dân sự năm 2005.

+ Các Điều 219, 611, 612, 623, 649, 650,651, 668 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Các Điều 27, 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

+ Khoản 5, Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Xác định số tiền **404.402.515đ** (gồm cả tiền gốc và lãi) của số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H đứng tên cụ Nguyễn Duy T tính đến ngày 07/7/2017 là là tài sản chung của cụ Trần Thị X và cụ Nguyễn Duy T.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ(một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 và số tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H.

Số tiền cụ thể cụ Trần Thị X được chia cụ thể như sau:

404.402.515đ : 2 = 202.201.257đ (tính đến thời điểm ngày07/7/2017)

Phần di sản của cụ T là: **202.201.257đ** (tính đến thời điểm ngày07/7/2017).

3. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn cụ Trần Thị X và ông Nguyễn Thanh T đối với phần di sản của cụ T để lại trong số tiền gửi tiết kiệm 150.000.000đ theo Giấy chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số TA 0063971 cấp ngày 07/07/2005 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh H và số tiền lãi tương ứng.

+ Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Duy T là: Cụ Trần Thị X, Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thanh P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H và ông Nguyễn Thanh T.

+ Cụ Trần Thị X, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thanh P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H và ông Nguyễn Thanh T, mỗi người được chia: **22.466.806đ** tính đến thời điểm ngày 07/7/2017.

4. Phần được chia của từng người như sau:

+ Cụ Trần Thị X được chia là 202.201.257đ + 22.466.806 đ = **224.668.063đ** *(hai trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng)* tính đến ngày 07/7/2017.

+ Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thanh P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H và ông Nguyễn Thanh T, mỗi người được chia: **22.466.806 đ** *(hai mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm linh sáu đồng)* tính đến ngày 07/7/2017.

5. Ngoài số tiền được chia, cụ X, bà D, bà P, bà M, bà C, bà S, bà Th, bà H và ông T tiếp tục được hưởng số tiền lãi trên số tiền được chia kể từ ngày 08/7/2017 cho đến khi Ngân hàng thanh toán xong theo mức lãi suất do Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán.

6. Về án phí:

+ Cụ X được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 1.123.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 3.750.000đ ông T đã nộp theo biên lai số 01715 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H ngày 10/01/2017. Trả lại cho ông Tùng 2.627.000đ.

+ Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thanh P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh C, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Diệu H mỗi người phải chịu 1.123.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Đồng Trưng